TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH THƯỢNG** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **49**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 14-10-2019
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Tịnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Minh Sơn.

2. Bà Phạm Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang: Không tham gia phiên toà.

Ngày 14 tháng 10 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2019/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 07 năm 2019, về việc tranh chấp ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 09 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2019/QĐST-HNGĐ ngày 27/9/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Ngô Thị G, sinh năm 1982; địa chỉ cư trú: Ấp TĐ, xã AMB, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Lưu Thanh B, sinh năm 1975; địa chỉ cư trú: Ấp TĐ, xã AMB, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Đơn khởi kiện ngày 19/6/2019 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Bà Ngô Thị G trình bày:

- Về hôn nhân: Bà G và Ông B chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2004, trên cơ sở tự nguyện, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống hạnh phúc được một

thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Bà G và Ông B đã ly thân từ tháng 10/2010 cho đến nay. Bà G yêu cầu được ly hôn với Ông B.

- Về con chung: Bà G và Ông B chung sống với nhau không có con chung nên không yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Yêu cầu để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn Ông Lưu Thanh B vắng mặt trong tất cả các phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

3. Tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được như sau: Đơn xác nhận nơi cư trú của Ông Lưu Thanh B (bản gốc); Hộ khẩu và Chứng minh nhân dân của Bà Ngô Thị G (bản photo); Biên lai nộp tiền tạm ứng án phí (bản chính).

Tại phiên tòa: Ông Lưu Thanh B vắng mặt, Bà G yêu cầu Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt đối với Ông B; yêu cầu Hội đồng xét xử cho Bà G được ly hôn với Ông B; ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Từ khi thụ lý đến ngày xét xử sơ thẩm Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho Ông Lưu Thanh B nhưng vẫn vắng mặt tại Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt Ông Lưu Thanh B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà G với Ông B chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2004, trên cơ sở tự nguyện, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán ở địa phương, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Từ đó, thấy rằng đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, Bà G và Ông B đã sống ly thân từ tháng 10/2010 cho đến nay. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Bà G với Ông B.

[2] *Về con chung*: Bà G với Ông B chung sống với nhau không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà G yêu cầu vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Bà G phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo lai thu số 0002935, ngày 03/7/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 của BLTTDS năm 2015; Áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTHVQH14, ngày 30/12/2016, quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử không công nhận là vợ chồng giữa Bà Ngô Thị G với Ông Lưu Thanh B.

2. Về con chung: Không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà G phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo lai thu số 0002935, ngày 03/7/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản ản được niêm yết tại nơi cư trú.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS nhân dân huyện U Minh Thượng;
- Các đương sự;
- Lưu VP.

Phan Văn Tịnh